

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST

Ngày: 07/8/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Nguyễn Minh Chiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Đồng nguyên đơn:* Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1972 và chị **Trần Thị Thu V**, sinh năm 1970 (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Đồng bị đơn:* Anh **Lê Văn L**, sinh năm 1961 và chị **Tiêu Hồng T**, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, đồng nguyên đơn, anh Lê Văn D và chị Trần Thị Thu V trình bày: Vào năm 2018 (tức là cuối năm 2017 âm lịch, không nhớ ngày tháng cụ thể), anh Lê Văn D có cho anh Lê Văn L vay số tiền 10.000.000 đồng để làm vốn làm ăn, không thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận khoảng 3 – 4 ngày sau khi nhận tiền thì anh L sẽ trả lại cho anh D và anh L trực tiếp nhận tiền tại nhà anh D. Khi anh D cho anh L vay tiền thì vợ anh L là chị Tiêu Hồng T không biết, nhưng đến ngày thỏa thuận trả nợ anh L không trả nợ cho anh D nên anh D có đến nhà anh L yêu cầu trả nợ thì anh L không có ở nhà và anh D có nói cho chị T biết việc anh L vay tiền của anh D. Do anh D vay tiền để làm vốn làm ăn nên số nợ trên là nợ chung của vợ chồng anh D và chị T; đồng thời số tiền anh D cho anh L vay là tài sản chung của vợ chồng anh D và chị V. Nay anh D và chị

V yêu cầu anh L và chị T thanh toán cho anh D và chị V số tiền 10.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15 tháng 3 năm 2019, đồng bị đơn anh Lê Văn L và chị Tiêu Hồng T trình bày: Anh L và chị T không có vay tiền của anh D và chị V như anh D và chị V trình bày nên anh L và chị T không đồng ý thanh toán cho anh D và chị V số tiền 10.000.000 đồng theo yêu cầu của anh D và chị V.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh D và chị V đối với anh L; buộc anh L phải thanh toán cho anh D và chị V số tiền gốc 10.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh D và chị V về việc yêu cầu chị T cùng có trách nhiệm với anh L thanh toán cho anh D và chị V số tiền 10.000.000 đồng. Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh D và chị V khởi kiện anh L và chị T yêu cầu thanh toán số tiền 10.000.000 đồng; hiện nay, anh L và chị T đang cư trú tại ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh L và chị T đã được triệu tập để xét xử hợp lệ hai lần, nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh L và chị T vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị T.

[3] Về nội dung vụ án: Anh D và chị V yêu cầu anh L và chị T thanh toán cho anh D và chị V số tiền 10.000.000 đồng với lý do vào cuối năm 2017 âm lịch, tức là đầu năm 2018 (không nhớ chính xác ngày tháng) anh D có cho anh L vay số tiền nêu trên là tài sản chung của vợ chồng anh D. Khi vay tiền, anh L trực tiếp nhận tiền tại quán cà phê nhà anh D và chị V; đồng thời, anh L có thỏa thuận khoảng 3 – 4 ngày sau khi nhận tiền, anh L sẽ thanh toán tiền vay cho anh D, nhưng sau khi vay tiền thì

anh L không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Anh L và chị T không thừa nhận có vay số tiền 10.000.000 đồng của anh D và chị V nên không đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu của anh D và chị V. Anh D xác định việc anh L vay tiền của anh D và anh D giao tiền cho anh L nhận có anh Lê Văn Đ, anh Lê Văn T và ông Trần Việt T chứng kiến vì khi anh L vay tiền của anh D thì anh Đ, anh T và ông T có ngồi uống cà phê tại quán cà phê nhà anh D và chị V; đồng thời, sau khi anh L nhận tiền nhưng không thanh toán theo thỏa thuận thì anh D có nhờ anh T gọi điện thoại cho anh L đòi tiền và anh L có thừa nhận nợ tiền anh D và khi anh T gọi điện thoại cho anh L đòi tiền thì anh T có ghi âm cuộc gọi này. Theo biên bản kiểm tra chứng cứ ngày 24 tháng 5 năm 2019 kiểm tra nội dung ghi âm được lưu trữ trong USB do anh D và chị V giao nộp thì không thể hiện được việc anh L có nợ tiền anh D 10.000.000 đồng như anh D trình bày nên không thể xem là chứng cứ chứng minh việc anh L có nợ tiền anh D. Đối với lời khai của anh T, anh Đ và ông T, xét thấy mặc dù lời khai của ông T có sự mâu thuẫn về lý do ông T chứng kiến việc anh D đưa tiền cho anh L; cụ thể anh D xác định ông T cùng ngồi uống cà phê chung một hàng ghế ngoài công viên trước mặt quán cà phê nhà anh D và chị V vào ngày anh L vay tiền của anh D, còn ông T xác định ông T chạy xe ngang quán cà phê nhà anh D và chị V, bị kẹt xe phải dừng lại ngang chỗ anh L và anh D ngồi trên hàng ghế ngoài công viên trước quán cà phê, ông T ngồi trên xe và nhìn thấy anh D đưa tiền cho anh L nhưng cả ông T và anh D đều thống nhất ngày anh D đưa tiền cho anh L là vào cuối năm 2017, còn vài ngày nữa đến Tết Nguyên đán năm 2018 và loại tiền anh D đưa cho anh L là loại tiền polyme có mệnh giá 500.000 đồng. Đồng thời, anh T tuy là em ruột của anh D (nhưng hoàn toàn không có mâu thuẫn với anh L, chị T) có lời khai thống nhất với lời khai của anh Đ (là người không có quan hệ thân nhân với anh D và cũng hoàn toàn không có mâu thuẫn với anh L, chị T) và lời khai của anh D xác định vào cuối năm 2017, khoảng vài ngày nữa là Tết Nguyên đán năm 2018, anh D, anh Đ và anh T ngồi uống cà phê trên cùng một hàng ghế ngoài công viên trước mặt quán cà phê của anh D và chị V thì anh L đến hỏi vay tiền nên anh D đã giao tiền cho anh L nhận và anh L trực tiếp đếm tiền khi nhận tổng cộng là 20 tờ tiền 500.000 đồng loại tiền polyme tại quán cà phê của anh D và chị V. Từ những lời khai nêu trên, có đủ cơ sở để xác định vào cuối năm 2017, còn vài ngày nữa đến Tết Nguyên đán năm 2018 anh L có vay số tiền 10.000.000 đồng của anh D. Anh L không có chứng cứ gì để chứng minh anh L đã thanh toán số tiền 10.000.000 đồng và số tiền anh L vay anh D là tài sản chung của anh D và chị V nên buộc anh L có trách nhiệm thanh toán cho anh D và chị V số tiền 10.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Anh D và chị V yêu cầu chị T phải có trách nhiệm cùng với anh L thanh toán số tiền vay 10.000.000 đồng cho anh D và chị V, tuy nhiên, chị T không thừa nhận số nợ nêu trên; đồng thời, khi anh L vay tiền thì chị T không biết và anh D, chị V không có chứng cứ gì để chứng minh chị T có sử dụng số tiền vay nêu trên cũng như việc anh L sử dụng số tiền vay là sử dụng vào mục đích chung của gia đình anh L và chị T nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu nêu trên của anh D và chị V.

[5] Anh D và chị V không yêu cầu anh L thanh toán tiền lãi đối với khoản tiền vay nêu trên, xét đây là sự tự nguyện của anh D và chị V nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của anh D và chị V đối với anh L được chấp nhận nên anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền anh L có trách nhiệm thanh toán cho anh D và chị V, bằng 5% x 10.000.000 đồng = 500.000 đồng; anh D và chị V không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013370 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b tiêu mục 1.3 Phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).
Tuyên xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn D và chị Trần Thị Thu V đối với anh Lê Văn L về việc yêu cầu anh Lê Văn L thanh toán cho anh Lê Văn D và chị Trần Thị Thu V số tiền nợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Buộc anh Lê Văn L có trách nhiệm thanh toán cho anh Lê Văn D và chị Trần Thị Thu V số tiền nợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn D và chị Trần Thị Thu V đối với chị Tiêu Hồng T về việc yêu cầu chị Tiêu Hồng T cùng có trách nhiệm với anh Lê Văn L thanh toán cho anh Lê Văn D và chị Trần Thị Thu V số tiền nợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Về án phí, anh Lê Văn L phải nộp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Anh Lê Văn D và chị Trần Thị Thu V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013370 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Mỹ Xuyên